TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/DS-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng dân sự, vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: ÔngTrương Phước Công;

Ông Đặng Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp "*Hợp đồng dân sự, vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1955; (có mặt).

Cư trú: Tổ 17, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Hữu L, sinh năm 1982; (vắng mặt).

Bà Đặng Thị N, sinh năm 1988; (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ H trình bày: Vào ngày 13/3/2018, bà N có đến nhà bà vay 50.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng và hứa trong 05 ngày sẽ trả lại cho bà, khi vay không thỏa thuận lãi suất và bà không có nhận tiền lãi từ ông L và bà N. Đến hạn, bà N không trả cho bà, bà có nhắc nhở nhiều lần nhưng bà N cố ý không trả. Bà N và ông L là vợ chồng. Khi vay tiền, ông L có điện thoại cho bà hỏi vay nhưng ông bận đi ghe chở lúa không đến gặp bà ký tên vào biên nhận nên chỉ có bà N là vợ ông ký biên nhận nợ với bà. Trong biên nhận nợ có nội dung bên nhận nợ là bà N có thế chấp đất diện tích 248,6m^2

nhưng thực tế bà không có nhận phần đất này cũng như không giữ bất kỳ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào mang tên ông L và bà N. Hiện nay, ông L bà N vẫn chưa trả bà số tiền vay. Vì vậy, bà yêu cầu ông L và bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 18/3/2018 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Do ông L, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà H căn cứ vào biên nhận nợ ngày 13/3/2018 để yêu cầu ông L, bà N trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng và tiền lãi là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà H khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản với ông L, bà N. Ông L, bà N cư trú tại ấp K, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông L, bà N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Giữa bà H với bà N có xác lập hợp đồng vay tài sản theo biên nhận ngày 13/3/2018, có thỏa thuận thời gian trả nợ, không thỏa thuận lãi suất. Xét thấy, hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo triệu tập ông L, bà N để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông bà vẫn không có mặt và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không có cơ sở xem xét ý kiến của ông bà.

Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 13/3/2018, xác định bà N có vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận trong thời hạn 05 ngày sẽ trả lại nhưng đến nay bà N vẫn chưa trả nợ như đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử buộc bà N có trách nhiệm trả bà H 50.000.000 đồng là phù hợp Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Trách nhiệm liên đới: Bà H yêu cầu ông L có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà N. Xét, ông L không trực tiếp vay tiền và ký vào biên nhận nợ. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông nhưng ông không có ý kiến phản đối. Bên cạnh đó, giao dịch vay tài sản của bà N phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng nên ông phải có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả nợ là phù hợp Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất: Bà H yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Theo biên nhận nợ và lời trình bày của nguyên đơn, xác định hợp đồng vay tiền giữa hai bên không thỏa thuận lãi suất nên thuộc trường hợp vay không có lãi được quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, căn cứ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Về thời hạn tính lãi: Bà H yêu cầu tính lãi kể từ ngày 18/3/2018 đến ngày Tòa án xét xử. Xét, hợp đồng vay tiền giữa hai bên xác lập vào ngày 13/3/2018 và thỏa thuận trọng hạn 05 ngày sẽ trả lại (tức ngày 18/3/2018). Tuy nhiên, đến hạn nhưng bà N vẫn không trả nợ như đã cam kết. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận thời hạn tính lãi của bà H là phù hợp khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 468 luật dân sự năm 2015, lãi suất theo quy định được tính 10%/năm, (0,8333%/tháng), (0,02777%/ngày), số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 18/3/2018 đến ngày 27/9/2018 là 193 ngày;

Tiền lãi = 50.000.000 đồng x 0,02777%/ngày x 193 ngày = 2.680.500 *(hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn năm trăm)* đồng.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc ông L và bà N có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 2.680.500 đồng là phù hợp Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với việc hai bên thỏa thuận có thế chấp phần đất diện tích 248,6m^2, tọa lạc ấp K, xã T trong biên nhận nợ. Tuy nhiên, theo bà H trình bày, hiện tại bà không có nhận phần đất này cũng như không giữ bất kỳ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào mang tên ông L và bà N. Dó, đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết đối với phần đất thế chấp này.

[3]. Về án phí:

- Bà Phạm Thị Mỹ H được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông L, bà N vi phạm nghĩa vụ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Các Điều 288, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ H đối với ông Phạm Hữu L và bà Đặng Thị N.

Buộc ông Phạm Hữu L và bà Đặng Thị N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị Mỹ H số tiền nợ gốc 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng và tiền lãi 2.680.500 *(hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn năm trăm)* đồng. Tổng cộng 52.680.500 *(năm mươi hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn năm trăm)* đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Hữu L và bà Đặng Thị N có trách nhiệm liên đới phải chịu 2.634.000 *(hai triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn)* đồng.

Về quyền kháng cáo:

Bà H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông L, bà N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THA dân sự Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lại Hiệp Phong